

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (18 -)/DA22MNA

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

31 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114221024	Trịnh Thị Mỹ	Quyên	25/11/2003	Nữ	8,3	3,8	6,1	001	<u>Mỹ</u>	
2	114222002	Nguyễn Hồ Ngọc Lan	Anh	05/10/2004	Nữ	9,0	3,3	6,2	002	<u>Lan</u>	
3	114222003	Ngô Anh	Đào	07/03/2004	Nữ	8,3	5,3	6,8	003	<u>Anh</u>	
4	114222004	Trần Thị Thùy	Dương	24/12/2004	Nữ	9,3	3,5	6,4	004	<u>Thùy</u>	
5	114222005	Trần Nguyễn Thúy	Duy	11/11/2004	Nữ	9,8	6,3	8,1	005	<u>Thúy</u>	
6	114222007	Thạch Thị Trinh	Em	18/09/2004	Nữ	8,5	5,5	7,0	006	<u>Trinh</u>	
7	114222009	Nguyễn Huỳnh	Hương	22/09/2004	Nữ	8,8	3,3	6,1	007	<u>Hương</u>	
8	114222010	Thạch Thị Ngọc	Kiều	17/12/2004	Nữ	9,3	4,3	6,8	008	<u>Ngọc</u>	
9	114222012	Huỳnh Thị Ái	Mi	07/11/2004	Nữ	8,5	3,5	6,0	009	<u>Mi</u>	
10	114222013	Bùi Thị Cẩm	Nang	20/09/2004	Nữ	6,8	—	—	—	—	Vắng
11	114222014	Thạch Châu	Ngân	27/02/2004	Nữ	9,5	4,8	7,2	011	<u>Châu</u>	
12	114222015	Nguyễn Thị Thu	Ngọc	06/02/2004	Nữ	8,8	3,0	5,9	012	<u>Thu</u>	
13	114222016	Trần Thị Mỹ	Ngọc	25/01/2004	Nữ	8,8	4,3	6,6	013	<u>Mỹ</u>	
14	114222017	Giang Thảo	Nguyên	30/04/2004	Nữ	9,3	4,0	6,7	014	<u>Thảo</u>	
15	114222019	Dương Thị Tuyết	Nhi	02/03/2004	Nữ	9,0	3,5	6,3	015	<u>Tuyết</u>	
16	114222020	Huỳnh Thị Yến	Nhi	01/08/2004	Nữ	9,0	4,0	6,5	016	<u>Yến</u>	
17	114222021	Vô Thị Tuyết	Nhi	28/01/2004	Nữ	9,3	3,3	6,3	017	<u>Tuyết</u>	
18	114222022	Ca Yến	Như	05/12/2004	Nữ	8,3	5,0	6,7	018	<u>Yến</u>	
19	114222023	Phan Thị Anh	Như	11/04/2004	Nữ	9,3	5,3	7,3	019	<u>Anh</u>	
20	114222025	Vô Thị Huỳnh	Như	30/06/2004	Nữ	8,8	3,0	5,9	020	<u>Như</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Như

Nguyễn Thị Ngọc Luyến

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thanh Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Thanh

Nguyễn Thị Lành

D71.110

31/1

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (18 -)/DA22MNA

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

31 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114222051	Tô Thị Cẩm Tú	12/12/2004	Nữ	8,3	3,0	5,7	001			
2	114222052	Nguyễn Huyền Phương	22/07/2004	Nữ	8,3	3,3	5,8	002			
3	114222054	Lê Phạm Thảo Uyên	20/03/2004	Nữ	8,8	4,3	6,6	003			
4	114222057	Võ Thị Hồng Yên	14/08/2004	Nữ	7,0	3,5	5,3	004			
5	114222058	Trịnh Lâm Phi Yến	16/11/2003	Nữ	8,0	4,5	6,3	005			
6	114222059	Hứa Trâm Huỳnh Anh	15/05/2004	Nữ	8,5	3,8	6,2	006			
7	114222060	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	10/06/2004	Nữ	8,5	4,0	6,3	007			
8	114222061	Dương Ngọc Diễm	12/03/2004	Nữ	9,3	4,0	6,7	008			
9	114222063	Nguyễn Thị Hoàng Dung	17/08/2004	Nữ	8,5	3,5	6,0	009			
10	114222065	Dương Thị Hân	18/12/2004	Nữ	9,5	5,3	7,4	010			
11	114222067	Trần Thị Huỳnh Hoa	18/05/2004	Nữ	8,8	6,0	7,4	011			
12	114222070	Nguyễn Thị Thùy Linh	07/06/2004	Nữ	8,8	6,3	7,6	012			
13	114222071	Trần Thị Cẩm Linh	29/02/2004	Nữ	9,3	5,3	7,3	013			
14	114222072	Nguyễn Thị Cẩm Ly	23/10/2004	Nữ	8,0	6,0	7,0	014			
15	114222073	Từ Xuân Mai	25/07/2004	Nữ	8,3	5,8	7,1	015			
16	114222074	Phạm Thị Ca Mơ	17/04/2004	Nữ	8,0	6,3	7,2	016			
17	114222075	Nguyễn Châu Kim Ngân	05/10/2004	Nữ	8,5	6,0	7,3	017			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 17

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Thưa Nguyễn Ngọc Tuấn

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thưa Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Thưa Nguyễn Thị Linh

3111

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

D71 111

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (18 -)/DA22MNB

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

31/01/2024

Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114222027	Dương Thị Kiều	Oanh	19/07/2004	Nữ	8,8	3,8	6,3	001	<u>Kieu Oanh</u>		
2	114222030	Nguyễn Thu	Quyên	04/01/2004	Nữ	7,0	—	—	0	—		Cao Thị
3	114222036	Lê Thị Mộng	Thi	09/11/2004	Nữ	8,5	3,5	6,0	003	<u>Lo Thi</u>		
4	114222046	Đỗ Thị Ngọc	Trâm	16/03/2004	Nữ	8,3	3,0	5,7	004	<u>Ngoc Tram</u>		
5	114222049	Phan Thanh	Trúc	28/01/2004	Nữ	8,8	2,8	5,8	005	<u>Phan Truc</u>		
6	114222077	Vô Thị Hồng	Ngọc	21/01/2004	Nữ	9,3	5,0	7,2	006	<u>Vo Thi Hong</u>		
7	114222080	Huỳnh Thúy	Nhi	26/10/2004	Nữ	8,3	2,8	5,6	007	<u>Huynh Thuy</u>		
8	114222082	Trần Thị Anh	Thi	08/04/2004	Nữ	8,8	3,8	6,3	008	<u>Tran Thi Anh</u>	<u>Thi</u>	
9	114222084	Phan Thị	Thương	01/05/2004	Nữ	7,8	4,5	6,2	009	<u>Phan Thi</u>		
10	114222085	Tạ Thị Ngọc	Trâm	25/12/2004	Nữ	8,3	3,3	5,8	010	<u>Ta Thi Ngoc</u>		
11	114222087	Trần Thị Tú	Trinh	12/02/2004	Nữ	9,0	3,5	6,3	011	<u>Tran Thi Tu</u>		
12	114222091	Nguyễn Thị Kim	Xuân	12/03/2004	Nữ	8,5	3,5	6,0	012	<u>Xuân</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 12

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 11

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 11

Tổng số tờ: 11

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Duy Bảo

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 80%;

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm:

Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

31101

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

DT1.112

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (18 -)/DA22THE

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Đánh giá

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

31/01/2024

Phòng thi: DT1.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114322100	Lê Nguyễn Hoàng	Thâm	23/07/2003	Nam	10,0	9,0	9,5	001	<u>Quang</u>	
2	114322102	Nguyễn Trúc	Thanh	06/01/2004	Nam	10,0	4,5	7,3	002	<u>Hoà</u>	
3	114322104	Thạch Thị Phương	Thảo	20/11/2004	Nữ	9,3	5,3	7,3	003	<u>Thảo</u>	
4	114322105	Thạch Thị	Thảo	10/03/2004	Nữ	9,0	4,8	6,9	004	<u>Thảo</u>	
5	114322107	Cao Thị Bảo	Thoa	12/11/2003	Nữ	9,8	5,0	7,4	005	<u>Thoa</u>	
6	114322115	Nguyễn Thị Minh	Thư	04/08/2004	Nữ	9,8	5,8	7,8	006	<u>Thư</u>	
7	114322116	Nguyễn Thị Minh	Thư	24/08/2004	Nữ	9,8	3,8	6,8	007	<u>Thư</u>	
8	114322117	Trần Thị Hoài	Thư	26/01/2004	Nữ	9,8	4,0	6,9	008	<u>Thư</u>	
9	114322123	Lý Huyền	Trân	17/03/2004	Nữ	8,8	4,3	6,6	009	<u>Trân</u>	
10	114322127	Trần Lâm Bảo	Trân	20/04/2004	Nữ	9,5	3,8	6,7	010	<u>Trân</u>	
11	114322136	Kim Thị Ngọc	Tươi	22/02/2003	Nữ	9,3	5,5	7,4	011	<u>Tươi</u>	
12	114322143	Nguyễn Thị Tường	Vy	04/04/2004	Nữ	9,3	4,8	7,1	012	<u>Vy</u>	
13	114322147	Thạch Châu	Y	27/09/2004	Nữ	9,8	4,5	7,2	013	<u>Châu</u>	
14	114322148	Châu Như	Ý	07/10/2004	Nam	10,0	5,8	7,9	014	<u>Châu</u>	
15	114322189	Đặng Minh	Huy	29/03/2004	Nam	9,5	3,8	6,7	015	<u>Huy</u>	
16	114322223	Trần Thị Thảo	Ngân	23/09/2004	Nữ	9,3	4,3	6,8	016	<u>Ngân</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 16

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 16

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 16

Tổng số tờ: 16

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Chánh

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Chu Cao Dương Phụng Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Chu

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (18 -)/DA22CK

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

31 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	111822003	Dương Hoài Lâm	16/07/2004	Nam	7,5	3,8	5,7	001	<u>Luc</u>		
2	111822006	Từ Duy Ân	06/06/2004	Nam	8,3	4,0	6,2	002	<u>Luc</u>		
3	111822007	Lê Quang Bìn	25/12/2002	Nam	7,0	2,0	4,5	003	<u>Luc</u>		
4	111822008	Huỳnh Minh Đang	23/10/2004	Nam	5,5	3,5	4,5	004	<u>Chau</u>		
5	111822011	Lâm Gia Huy	29/10/2004	Nam	9,8	3,5	6,7	005	<u>Luc</u>		
6	111822014	Nguyễn Duy Khôi	12/02/2004	Nam	7,0	3,8	5,4	006	<u>Luc</u>		
7	111822018	Nguyễn Văn Nam	26/02/2004	Nam	8,5	5,0	6,8	007	<u>Nam</u>		
8	111822019	Trần Minh Nhật	31/10/2004	Nam	8,3	3,8	6,1	008	<u>Nam</u>		
9	111822021	Dương Thanh Nhựt	13/09/2004	Nam	8,8	3,3	6,1	009	<u>Nam</u>		
10	111822022	Trần Phát Phú	03/12/2004	Nam	8,8	4,5	6,7	010	<u>Nam</u>		
11	111822023	Trần Hoàng Quý	14/03/2004	Nam	8,8	3,3	6,1	011	<u>Nam</u>		
12	111822025	Chau Sưng	22/01/2004	Nam	8,5	2,8	5,7	012	<u>Sung</u>		
13	111822026	Nguyễn Thành Tài	13/06/2004	Nam	8,8	6,3	7,6	013	<u>Tai</u>		
14	111822029	Phan Nguyễn Hiệp Thành	02/11/2002	Nam	8,8	3,5	6,2	014	<u>Thien</u>		
15	111822033	Võ Trung Toàn	07/07/2004	Nam	9,3	4,3	6,8	015	<u>Toan</u>		
16	111822034	Nguyễn Hữu Trác	07/10/2004	Nam	8,0	2,8	5,4	016	<u>Trac</u>		
17	111822037	Nguyễn Việt Tường	02/06/2004	Nam	8,3	2,0	5,2	017	<u>Tuong</u>		
18	111822042	Thạch Minh Tâm	11/05/2004	Nam	7,0	—	—	018	<u>Tam</u>		
19	111822043	Nguyễn Chí Tâm	23/02/2004	Nam	7,0	3,0	5,0	019	<u>Tam</u>		
20	111822044	Nguyễn Duy Tân	26/03/2000	Nam	8,8	2,5	5,7	020	<u>Tan</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ: 19

Cán bộ coi thi 1: Phu Nguyễn Anh Phi

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thien Cao Đình Phức Lan

Cán bộ kiểm tra: Thien Nguyễn Chí Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (18 -)/DA22CK

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

31 / 01 / 2024

Phòng thi: 071.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chi
1	111822045	Lâm Trí	18/02/2004	Nam	8,8	3,5	6,2	021	<u>Sh</u>		
2	111822046	Nguyễn Hoài	08/01/2004	Nam	9,0	4,8	6,9	022	<u>Nam</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Cán bộ coi thi 1: Phu Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 80 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thái Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thái

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (18 -)/DA22KDB

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Đánh giá

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

31 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	112122055	Nguyễn Quốc Huy	17/06/2004	Nam	6,8	4,5	5,7	003	Huy		
2	112122063	Tô Vĩnh Khang	28/07/2004	Nam	6,3	—	—	—	—		Cam/ku
3	112122070	Lê Chí Kiện	20/11/2003	Nam	8,8	3,0	5,9	005	Ki		
4	112122071	Đường Minh Kiệt	01/07/2004	Nam	6,5	4,5	5,5	006	Minh		
5	112122072	Lê Anh Kiệt	28/10/2004	Nam	6,8	3,3	5,1	007	Anh		
6	112122073	Nguyễn Bảo Linh	19/07/2004	Nam	6,8	2,3	4,6	008	Linh		
7	112122075	Lê Tấn Lộc	27/10/2004	Nam	5,5	3,0	4,3	009	Lok		
8	112122077	Lý Minh Lợi	21/01/2003	Nam	7,3	3,0	5,2	010	Loi		
9	112122083	Mu Ham Mach	04/10/2004	Nam	7,3	3,8	5,6	011	Mach		
10	112122084	Nguyễn Duy Minh	07/02/2004	Nam	—	—	—	—	—		Cam/ku
11	112122087	Ngũ Hoài Nam	25/08/2004	Nam	6,3	4,3	5,3	013	Nam		
12	112122088	Nguyễn Sơn Nam	06/05/2004	Nam	—	—	—	—	—		Cam/ku
13	112122091	Thạch Minh Nhật	14/09/2004	Nam	7,8	3,3	5,6	015	Nhat		
14	112122093	Nguyễn Hoàng Nhựt	25/06/2004	Nam	7,8	4,8	6,3	016	Nhut		
15	112122094	Nguyễn Minh Nhựt	04/03/2004	Nam	7,0	2,8	4,9	017	Nhut		
16	112122096	Nguyễn Thành Phát	15/01/2004	Nam	9,3	3,5	6,4	018	Phat		
17	112122158	Huỳnh Hữu Ngư	18/04/2004	Nam	6,3	2,5	4,4	019	Hu		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 19....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 14....

Tổng số tờ: —....

Cán bộ coi thi 1: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Thầy

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (18 -)/DA22KDA

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

31 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	112122043	Nguyễn Văn Giàu	24/05/2004	Nam	<u>90</u>	<u>3,3</u>	<u>6,2</u>	<u>002</u>	<u>Giàu</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01.....

Tổng số tờ: 1.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50.....%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thầy

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (18 -)/DA22DT

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Thắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

31 / 01 / 2024

Phòng thi: T31.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115222003	Trần Quốc Khánh	30/07/2004	Nam	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>		<u>Cao Kỳ</u>

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00...

Tổng số tờ: /...

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 80 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thầy

Nguyễn Thị Linh